

Số: 09/2023/QĐST-DS

Thanh Ba, ngày 19 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 39/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 02/12/2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Chu Xuân T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Ông Chu Mộng L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

+ Bà Chu Thị T1, sinh năm 1962. Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ cư trú hiện nay: 5/12, đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

+ Ông Chu Minh K, sinh năm 1963

Địa chỉ : Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

+ Bà Chu Thị N, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

+ Ông Chu Trường G, sinh năm 1968

Địa chỉ : Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

+ Bà Lê Thị Ngọc L1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

+ Bà Hạ Thanh L2, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu 8, xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên thống nhất xác định về hàng thừa kế và di sản thừa kế đề nghị phân chia tại vụ án này như sau:

* Cụ Chu Văn T2 (sinh năm 1927; chết ngày 05/5/1992), cụ Cao Thị T3 (sinh năm 1926, chết ngày 13/4/2017)

* Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 và cụ T3 đến thời điểm hiện tại gồm: ông Chu Xuân T, sinh năm 1959; bà Chu Thị T1, sinh năm 1962; ông Chu Minh K, sinh năm 1964; bà Chu Thị N, sinh năm 1966; ông Chu Trường G, sinh năm 1968 và ông Chu Mộng L, sinh năm 1971.

* Di sản thừa kế của cụ T2 và cụ T3 để lại đề nghị xem xét giải quyết trong vụ án này gồm: thửa số 206, tờ bản đồ số 03 bản đồ 299 (đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N704995 ngày 29/12/1998 mang tên hộ bà Cao Thị T3 diện tích đất 1.027m² (trong đó có 400m² đất ở và 627m² đất vườn)). Theo số liệu xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa đất trên có diện tích thực tế (theo bản chính lý trích lục bản đồ địa chính chính quy tại thửa số 136, tờ bản đồ số 06 – Loại bản đồ chính quy) là 1.213,1m², địa chỉ thửa đất tại khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

* Đối với thửa đất số 206⁻¹, tờ bản đồ số 03 – bản đồ 299 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp ngày 29/12/1998 mang tên hộ ông Chu Mộng L) có diện tích thực tế đã được thẩm định tại chỗ tại sơ đồ hiện trạng thửa đất là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 06, Loại bản đồ địa chính chính quy với diện tích là 1.490,8m² (chỉ giới 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12;13; 14; 15; 23; 22; 5) (**kí hiệu tại sơ đồ là P3**): các bên xác định không có tranh chấp đối với thửa đất này, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.2. Các bên thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với tài sản của cụ Chu Văn T2 và cụ Cao Thị T3 cụ thể như sau:

2.2.1. Ông Chu Xuân T được sở hữu và sử dụng tài sản là di sản thừa kế của cụ Chu Văn T2 và cụ Cao Thị T3 để lại là thửa số 206, tờ bản đồ số 03 bản đồ 299 (đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N704995 ngày 29/12/1998 mang tên hộ bà Cao Thị T3). Theo số liệu xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích thực tế của thửa đất trên (theo bản chính lý trích lục

bản đồ địa chính tại thửa số 136, tờ bản đồ số 06 – Loại bản đồ chính quy) là 1.135,1m² (trong đó đất ở = 400m²; đất vườn là 735,1m²) (từ chỉ giới số 4; 27; 26; 25; 24; 16; 17; 18; 19; 20; 21; 1; 2; 3; 4), (**kí hiệu tại sơ đồ là P1**);

Toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà xây và các công trình phụ + cây cối trên thửa đất trên là tài sản chung của ông Chu Xuân T và bà Đỗ Thị H, các bên không đề nghị xem xét giải quyết.

2.2.2. Ông Chu Mộng L và bà Hạ Thanh L2 được sử dụng phần diện tích đất (loại đất vườn) 78m² (từ chỉ giới số 4; 5; 22; 23; 15; 16; 24; 25; 26; 27; 4), (**kí hiệu tại sơ đồ là P2**); Ông L và bà L2 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hợp thửa đối với diện tích đất trên, hợp với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 06, Loại bản đồ địa chính chính quy diện tích là 1.490,8m² (hợp với thửa thửa số 206⁻¹, tờ bản đồ số 03 – BD 299 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp ngày 29/12/1998 mang tên hộ ông Chu Mộng L, tại sơ đồ hiện trạng là thửa số 130, tờ bản đồ số 06 – Loại bản đồ chính quy) diện tích theo số liệu thẩm định tại chỗ là 1.490,8m²).

Ông Chu Xuân T có nghĩa vụ thu hoạch toàn bộ cây cối đã trồng trên diện tích đất 78m². Thời hạn thu hoạch cây cối chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày 02/12/2023 (đến hết ngày 12/12/2023). Nếu hết thời hạn trên ông T không thu hoạch cây cối trên phần diện tích đất 78m² thì ông L có toàn quyền sử dụng cây cối trên diện tích đất này.

Các đương sự không phải thanh toán cho nhau phần chênh lệch giá trị tài sản.

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông Chu Xuân T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản với số tiền là 6.684.000đ (Sáu triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn). (xác nhận ông T đã nộp đủ chi phí tố tụng).

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Chu Xuân T. Ông T tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm thay cho ông Chu Mộng L với số tiền là 197.000đ (Một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn) (78m² x 101.400đ x 2,5% = 197.730đ, làm tròn số thành 197.000đ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan